TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN T** **TỈNH LONG A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2023/HNGĐ-ST
Ngày:19-4-2023
V/v "xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG A

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn H

2. Bà Trần Thị N

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Anh K -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số17/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc "Xin ly hôn*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1.***Nguyên đơn***: bà Lê Thị L, sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp Hiệp T, xã Tân B, huyện Tân T, tỉnh Long A.

2.***Bị đơn***: ông Đặng Văn Th, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Hiệp T, xã Tân B, huyện Tân T, tỉnh Long A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và lời khai bà Lê Thị L trình bày: Bà và ông Đặng Văn Th đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Tân B, huyện Tân T, tỉnh Long A. Trong thời gian đầu bà và ông Th chung sống hạnh phúc và cùng làm ăn chăm lo cuộc sống gia đình. Sau đó xảy ra mâu thuẫn, như bất hòa và không đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, nên không thể hàn gắn được tình cảm. Nay bà xin ly hôn ông Th.

Con chung: Có 02 con tên Đặng Văn K, sinh ngày 01/01/1996 và Đặng Minh N, sinh ngày 25/6/2004, nay đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Văn Th: Toà án tống đạt thông báo thụ lý vụ án số 17/2023/TB-TLVA ngày 07 tháng 3 năm 2023 và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ lần 2, nhưng ông Th vắng mặt không có lý, nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 6 tháng 4 năm 2023 cho ông Đặng Văn Th có ký nhận, nhưng ông Th cố tình vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[1.2] Bà Lê Thị L và ông Đặng Văn Th có đăng ký kết hôn ngày 22/6/2006 tại Uỷ ban nhân dân xã Tân B, huyện Tân T, tỉnh Long A là hôn nhân hợp pháp, nay bà L xin ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Đối với bà Lê Thị L và ông Đặng Văn Th không có tìm hiểu với nhau mà do cha mẹ hai bên sắp xếp và tổ chức đám cưới. Sau khi kết hôn bà L về sống bên gia đình cha mẹ ông Th, trong thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, cho đến năm 2004 phát sinh mâu thuẫn tình cảm. Xét thấy về nguyên nhân do ông Th thích sinh con gái nhưng bà L sinh con trai nên trong cuộc sống giữa vợ chồng hay bất đồng quan điểm với nhau. Việc này được cha mẹ của bà L và ông Th có dàn xếp hòa giải nhưng hai bên không khắc phục được, vì vậy mâu thuẫn tình cảm giữa bà L và ông Th ngày càng trầm trọng. Còn ông Đặng Văn Thạnh, Tòa án tiến hành tống đạt thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và yêu cầu của bà L, nhưng ông Th không có văn bản hay ý kiến về việc bà L xin ly hôn, cũng như ông Th vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Từ đó cho thấy mục đích hôn nhân giữa bà L với ông Th không đạt được và cuộc sống chung giữa hai bên không thể kéo dài, tại phiên tòa bà L yêu cầu xin ly hôn ông Th có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[2.2] Về con chung: Tại phiên tòa bà L trình bày trong thời gian chung sống với ông Th có 02 con tên Đặng Văn K, sinh năm 1996 và Đặng Minh N, sinh ngày 25/6/2004, nay đã trưởng thành bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy cháu Khỏe và cháu Nhựt hiện nay đã trưởng thành, do đó bà L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa bà L trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Nợ chung: Không có, không xem xét.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Th không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị L.

1.Về tình cảm: Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Đặng Văn Th.

2.Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí của bà L theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004392 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T, sang thành án phí.

3.Báo nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long A;*
- *VKSND huyện Tân T;*
- *Chi cục THADS huyện Tân T;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn H